

Số: 248/QĐ- THCSAT

An Lão, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu - chi NSNN năm 2024,
Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách thường xuyên năm 2024,
Điều chỉnh, bổ sung MLCS theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP,
Cấp bù học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP học kỳ I năm học 2024-2025,
Hỗ trợ học phí theo Nghị quyết 05/2019/NĐ-HĐND Đợt 2 năm 2024,
Kinh phí thực hiện quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6619/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND huyện An Lão về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và liên cấp trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện An Lão về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh MLCS theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 7630/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện An Lão về việc cấp bù học phí cho các trường liên cấp,; Trung học cơ sở, Mầm non công lập trên địa bàn huyện có các đối tượng được miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ (Học kỳ I năm học 2024-2025);

Căn cứ Quyết định số 7569/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND huyện An Lão về việc hỗ trợ học phí cho học sinh các bậc Mầm non, Trung học cơ sở, Trường liên cấp, Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND thành phố Đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 – tháng 12/2024);

Căn cứ Quyết định số 7635/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện An Lão về việc phê duyệt và phân bổ kinh phí thực hiện quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 7748/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện An Lão về việc cấp kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của bộ phận Tài vụ - Kế toán Trường THCS An Tiến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu kinh phí cấp bổ sung ngân sách chi thường xuyên năm 2024, kinh phí bổ sung điều chỉnh MLCS, kinh phí cấp bù học phí (Học kỳ I năm học 2024-2025), kinh phí Hỗ trợ học phí Đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 – tháng 12/2024), kinh phí thực hiện quỹ tiền thưởng năm 2024, kinh phí thực hiện Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND. (theo biểu mẫu 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng tổ Hành chính Văn phòng, bộ phận Tài vụ - Kế toán và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- UBND huyện (làm BC)
- Phòng TC-KH (làm BC)
- Lưu: VT, KT

**HỘI TRƯỞNG**
Đoàn Văn Vương



Đơn vị: Trường THCS An Tiến

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ- THCS ngày 31/12/2024 của Trường THCS An Tiến)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	0
1	Số thu học phí	0
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
I	Chi sự nghiệp giáo dục	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
I	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.032.235.590
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.032.235.590
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.032.235.590
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.697.135.590
3.1.1	Bổ sung KP bổ sung số người làm việc năm 2024	32.000.000
3.1.2	Điều chỉnh bổ sung KP điều chỉnh MLCB	1.956.390
3.1.3	Điều chỉnh bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024	935.864.000
3.1.4	KP thu nhập tăng thêm từ tháng 1-6/2024	727.315.200



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	335.100.000
3.2.1	Hỗ trợ học phí	174.220.000
3.2.2	Cấp bù học phí	620.000
3.2.3	Cấp tiền thưởng định kỳ năm 2024	160.260.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

